

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ
của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 12 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ngày 12 tháng 12 năm 2024;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra của ngành Quản lý đất đai trình độ thạc sĩ, áp dụng từ khóa đào tạo cao học K49 (tuyển sinh đợt 2 năm 2024) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai, Bộ môn Địa chính và các đơn vị liên quan thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website;
- HUMG e-OFFICE;
- Lưu: HCTH, SĐH.

[Chữ ký]

HIỆU TRƯỞNG

[Chữ ký]
GS.TS Trần Thanh Hải

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2412/QĐ-MĐC ngày 18 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

1. Thông tin chung

Tên ngành đăng ký:	Quản lý đất đai
Tên chương trình:	Tiếng Việt: Quản lý đất đai Tiếng Anh: Land Management
Mã số:	8850103
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
Bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ Quản lý đất đai

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai theo định hướng ứng dụng nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành, tăng cường kiến thức liên ngành; có trình độ chuyên môn sâu về lý luận, phương pháp luận trong lĩnh vực khoa học Quản lý và sử dụng đất đai trong tình hình mới, hội nhập kinh tế quốc tế, ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực quản lý đất đai và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo; có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Theo định hướng ứng dụng:

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
PO1	Nắm chắc những lý luận, phương pháp luận về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất. Kiến thức cơ bản về chính sách, pháp luật đất đai, công nghệ quản lý đất đai hiện đại, quản lý thị trường bất động sản.
PO2	Người học có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý đất đai, đầu tư kinh doanh bất động sản và đề xuất phương án giải quyết; Có khả năng tiếp cận xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai; kết hợp chuyên môn ngành Quản lý đất đai với chuyên môn các ngành có liên

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
	quan trọng lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; Có kỹ năng hoạch định các chính sách, chiến lược trong quản lý đất đai.
PO3	Người học có ý thức học tập suốt đời, có tác phong và thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa quốc gia, có ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

3. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Chỉ số thực hiện (PIs)
Kiến thức	
LO 1: Vận dụng (Apply) các kiến thức cơ bản và những kỹ thuật mang tính cập nhật cao trong lĩnh vực Quản lý đất đai để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có tư duy phản biện; có kiến thức tổng hợp về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ môi trường đất; Phân tích, đánh giá chiến lược chính sách đất đai; Thiết kế và triển khai tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Quản lý đất đai; Nghiên cứu quản lý và sử dụng đất, tích hợp với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.	PI 1.1. Vận dụng (Apply) được thế giới quan, phương pháp luận triết học trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện công việc. Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, tổng hợp các kiến thức chuyên môn và phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học để phát hiện và giải quyết các vấn đề mới có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quản lý đất đai tại Việt Nam và trên thế giới PI 1.2. Vận dụng (Apply) phương pháp nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn. có khả năng lãnh đạo hướng dẫn các nhóm nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngành Quản lý đất đai.
PLO 2: Tổng hợp (Synthesize) Cung cấp những lý luận, phương pháp luận về khoa học quản lý đất đai, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất.	PI 2.1. Tổng hợp (Synthesize) được các kiến thức chuyên sâu về quản lý, sử dụng đất để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản lý đất đai. PI 2.2. Tổng hợp (Synthesize) được các kiến thức tiên tiến về quản lý, sử dụng đất để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản lý đất đai.
PLO 3: Đánh giá (Evaluate) Cung cấp kiến thức cơ bản về chính	PI 3.1. Đánh giá (Evaluate) các phương pháp kỹ thuật, công nghệ nhằm đo lường tính hiệu quả trong quản lý đất

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Chỉ số thực hiện (PIs)
sách, pháp luật đất đai, công nghệ quản lý đất đai hiện đại, cơ sở dữ liệu đất đai, quản lý thị trường bất động sản.	đai. PI 3.2. Đánh giá (Evaluate) các phương pháp, quy trình kỹ thuật, công nghệ nhằm đề xuất các phương án quản lý đất đai tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.
Kỹ năng	
PLO 4: Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu.	PI 4.1. Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu. PI 4.2. Sử dụng thành thạo (Perfect) các kỹ năng mềm có được trong quá trình học tập để ứng dụng trong công việc thực tiễn và trong nghiên cứu.
PLO 5: Thực hiện (Implement) Có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn trong công tác quản lý đất đai, đầu tư kinh doanh bất động sản và đề xuất phương án giải quyết. Có khả năng tiếp cận xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Giải quyết sáng tạo và hiệu quả các vấn đề phức tạp trong công tác quản lý, sử dụng đất đai đối với một vùng lãnh thổ cụ thể. Đánh giá thực trạng và những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, sử dụng đất đai và thị trường bất động sản. Độc lập nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để cải tiến chính sách và công nghệ trong lĩnh vực quản lý đất đai.	PI 5.1. Thực hiện (Implement) Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai; kết hợp chuyên môn ngành Quản lý đất đai với chuyên môn các ngành có liên quan trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; PI 5.2. Thực hiện (Implement) Có kỹ năng hoạch định các chính sách, chiến lược trong quản lý đất đai.
PLO 6: Đề xuất (Propose) các giải pháp trên cơ sở khoa học, phù hợp với nguồn lực, bối cảnh thực tiễn và chiến lược phát triển của tổ chức.	PI 6.1. Đề xuất (Propose) các giải pháp trên cơ sở khoa học, phù hợp với nguồn lực và bối cảnh thực tiễn của tổ chức. PI 6.2. Đề xuất (Propose) các giải pháp trên cơ sở khoa học, phù hợp với chiến lược phát triển của tổ chức.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO 7: Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa, có ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.	PI 7.1. Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa. PI 7.2. Hình thành (Perform) ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.

5. Chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: - Theo định hướng ứng dụng: 60 TC

Thời gian đào tạo: 1,5 - 2,0 năm đối với hình thức đào tạo chính quy và 2,5 năm đối với hình thức vừa làm vừa học.

5.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Nội dung		Khối lượng (TC)
Phần 1. Nhóm các học phần bắt buộc	Học phần học chung	3
	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu	24
Phần 2. Nhóm các học phần tự chọn		18
Phần 3. Đề án tốt nghiệp thạc sỹ		15
TỔNG SỐ		60

6. Khối lượng kiến thức

TT	Mã số	Tên các học phần		Khối lượng (TC)		
		Tên tiếng Việt	Tên Tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TN, TL
6.1	Nhóm các học phần bắt buộc			27		
6.1.1	<i>Các học phần học chung</i>			3		
1	8020101	Triết học	Philosophy	3	3	0
6.1.2	<i>Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu</i>			24		
2	8050618	Tin học trong quản lý đất đai	Informatics in Land Management	3	2	1
3	8050409	Trắc địa nâng cao	Advanced Surveying	2	2	0
4	8050316	Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai	Application of Remote Sensing GIS for Land Administration	2	1.5	0.5
5	8050615	Hệ thống pháp luật về quản lý đất đai	Legal System of Land Management	3	2.5	0.5
6	8050614	Tài chính đất đai	Land Finance	3	2	1
7	8050616	Quy hoạch không gian	Spatial Planning	3	2	1
8	8050605	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	System of Land Change Updating Management	3	2	1
9	8050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	Design and Construction of Land Information Systems	2	2	0

10	8050603	Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	Land Data Standard and Standardisation	3	2.5	0.5
6.2	Các học phần tự chọn			18/34		
11	8050617	Quản lý thị trường bất động sản	System Management of Estate Market	2	1.5	0.5
12	8050601	Các phương pháp trắc địa và bản đồ trong quản lý đất đai	Geomatic methods for Land Administration	3	2	1
13	8050612	Phong thủy và sinh thái cảnh quan	Feng shui and ecology landscape	2	1.5	0.5
14	8050608	Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất	Application of Mathematical Model in Land Use Planning	3	2	1
15	8050602	Mô hình hóa và phân tích dữ liệu không gian	Spatial modeling and analysis.	3	3	0
16	8050619	Phân tích chính sách đất đai	Land policy analysis	2	1	1
17	8050613	Quản lý địa giới hành chính	Management of Administrative Boundaries	2	1	1
18	8050620	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	Multipurpose Land Database	3	2	1
19	8050611	Hệ thống quản lý đất đai hiện đại	Modern Land Management System	2	2	0
20	8050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	Network solutions in GIS	3	2	1
21	8050621	Sử dụng đất nông nghiệp bền vững	Sustainable for Agricultural Land Use	3	2	1
22	8050219	Ứng dụng hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	Application of Global Navigation Satellite System in Land Administration	2	2	0
23	8050116	Quản lý và giám sát các công trình xây dựng trong sử dụng đất	Management and Supervision of Construction works in Land Use	2	2	0
24	8050718	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	Application of GIS in Land management	2	2	0
25	8050110	Ứng dụng công nghệ trạm Cors trong trắc địa công trình	Applications of CORS station in engineering surveying	3	3	0
26	8050106	Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình	Digital terrain model and application in Engineering Surveying	3	3	0

27	8050104	Trắc địa công trình biển	Maritime engineering surveying	3	3	0
6.3	8050622	Đề án tốt nghiệp		15		
28		Thực tập tốt nghiệp		6		
29		Đề án tốt nghiệp		9		
		Tổng		60		60

7. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên các học phần		Khối lượng (TC)			HK
		Tên tiếng Việt	Tên Tiếng Anh	Tổng	LT	TH, TN, TL	
7.1	Nhóm các học phần bắt buộc			27			
7.1.1	Các học phần học chung			3			
1	8020101	Triết học	Philosophy	3	3	0	I
7.1.2	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu			24			
2	8050618	Tin học trong quản lý đất đai	Informatics in Land Management	3	2	1	I
3	8050409	Trắc địa nâng cao	Advanced Surveying	2	2	0	I
4	8050316	Ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai	Application of Remote Sensing GIS for Land Administration	2	1.5	0.5	II
5	8050615	Hệ thống pháp luật về quản lý đất đai	Legal System of Land Management	3	2.5	0.5	I
6	8050614	Tài chính đất đai	Land Finance	3	2	1	II
7	8050616	Quy hoạch không gian	Spatial Planning	3	2	1	II
8	8050605	Hệ thống quản lý cập nhật biến động đất đai	System of Land Change Updating Management	3	2	1	II
9	8050606	Thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin đất đai	Design and Construction of Land Information Systems	2	2	0	I
10	8050603	Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu thông tin đất đai	Land Data Standard and Standardisation	3	2.5	0.5	II
7.2	Các học phần tự chọn			18/34			
11	8050617	Quản lý thị trường bất động sản	System Management of Estate Market	2	1	1	I
12	8050601	Các phương pháp trắc địa và bản đồ trong quản lý đất đai	Geomatic methods for Land Administration	3	2	1	I

13	8050612	Phong thủy và sinh thái cảnh quan	Feng shui and ecology landscape	2	1.5	0.5	II
14	8050608	Ứng dụng mô hình toán trong quy hoạch sử dụng đất	Application of Mathematical Model in Land Use Planning	3	2	1	II
15	8050602	Mô hình hóa và phân tích dữ liệu không gian	Spatial modeling and analysis.	3	2.5	0.5	II
16	8050619	Phân tích chính sách đất đai	Land policy analysis	2	1	1	I
17	8050613	Quản lý địa giới hành chính	Management of Administrative Boundaries	2	1	1	I
18	8050620	Cơ sở dữ liệu đất đai đa mục tiêu	Multipurpose Land Database	3	2	1	II
19	8050611	Hệ thống quản lý đất đai hiện đại	Modern Land Management System	2	1.5	0.5	II
20	8050604	Các giải pháp mạng trong công nghệ GIS	Network solutions in GIS	3	2	1	I
21	8050621	Sử dụng đất nông nghiệp bền vững	Sustainable for Agricultural Land Use	3	2	1	I
22	8050219	Ứng dụng hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	Application of Global Navigation Satellite System in Land Administration	2	2	0	II
23	8050111	Quản lý và giám sát các công trình xây dựng trong sử dụng đất	Management and Supervision of Construction works in Land Use	2	2	0	II
24	8050718	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	Application of GIS in Land management	2	2	0	I
25	8050110	Ứng dụng công nghệ trạm Cors trong trắc địa công trình	Applications of CORS station in engineering surveying	3	3	0	I
26	8050106	Mô hình số địa hình và ứng dụng trong trắc địa công trình	Digital terrain model and application in Engineering Surveying	3	3	0	II
27	8050104	Trắc địa công trình biển	Maritime engineering surveying	3	3	0	II
7.3	8050622	Đề án tốt nghiệp		15			III
28		Thực tập tốt nghiệp		6			III
29		Đề án tốt nghiệp		9			III
		Tổng		60		60	

